

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-4-2025

Về việc ly hôn giữa ông Vũ Văn T

Và bà Tống Thị M.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hà;
- Ông Nguyễn Văn Hình.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày **09 tháng 4** năm **2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án **hôn nhân gia đình** thụ lý số: **33/2025/TLST-HNGĐ** ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **19/2025/QĐXXST-HNGĐ** ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1971.

Nơi thường trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Gia Lai

Bị đơn: Bà Tống Thị M, sinh năm 1970.

Nơi thường trú: Thôn S, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, ông T và bà M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Vũ Văn T trình bày: Ông và bà Tống Thị M tự nguyện tìm hiểu và đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào năm 1993. Ông và bà M đã được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn cho vợ chồng ông đưa về quản lý nhưng do thời gian dài vợ chồng ông ly thân đến nay ông không rõ bà M đang quản lý giấy chứng nhận kết hôn hay đã bị thất lạc nên ông không thể cung cấp được cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn của ông và

bà M. Sau khi đăng ký kết hôn, ông và bà M đã được hai bên gia đình, họ hàng tổ chức lễ cưới, đón rước dâu theo phong tục tập quán tại địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng ông không hạnh phúc do thường xuyên bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, bà M thường xuyên chửi bới, xúc phạm ông dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau. Sau khi ông và bà M về chung sống với nhau được một tháng thì bà M bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ cuối năm 1993 đến nay ông và bà M không đoàn tụ lại, không quan tâm nhau và không còn liên lạc gì với nhau nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Tống Thị M.

Về con chung, ông và bà M không có con chung. Về tài sản, ông và bà M không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2025, bị đơn là bà Tống Thị M trình bày: Bà và ông Vũ Văn T đã tự nguyện đến UBND xã Đ đăng ký kết hôn và sau khi kết hôn hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương như nội dung ông T trình bày là đúng. Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn, bà và ông T đã được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn hiện nay do ông T giữ. Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tính cách, tình cảm lạnh nhạt nên bà và ông T ly thân từ cuối năm 1993 đến nay không đoàn tụ lại là đúng. Nay ông T xin ly hôn, bà nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là Vũ Văn Đ sinh năm 1994 đã chết năm 2007 nên hiện nay bà và ông T không có con chung. Về tài sản, bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, ông Vũ Văn T và bà Tống Thị M vắng mặt.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với ông Phạm Văn Đ1 - trưởng xóm T thể hiện: Ông sinh sống gần nhà bà Tống Thị M, thời gian năm 1992-1993 ông là công an xã Đ và biết rõ việc bà M, ông T cùng nhau đến UBND xã Đ thực hiện việc đăng ký kết hôn, sau đó hai bên đã tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Ông T và bà M sau khi kết hôn sống không có hạnh phúc nên chỉ sau thời gian ngắn vợ chồng đã ly thân cho đến nay không đoàn tụ lại và hiện vợ chồng không có con chung.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với bà Vũ Thị C - cán bộ Tư pháp xã Đ cho thấy: Hiện nay toàn bộ tài liệu lưu trữ tại địa phương về việc đăng ký kết hôn của công dân trước những năm 2000 đều đã bị thất lạc nên việc ông T và bà M có đăng ký kết hôn tại địa phương hay không thì chính quyền địa phương không thể cung cấp được cho Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tại phiên tòa, các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật

hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa ông Vũ Văn T và bà Tống Thị M.

Về tài sản: Ông Vũ Văn T và bà Tống Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này ông T, bà M có yêu cầu giải quyết về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBNVQH/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Ông Vũ Văn T và bà Tống Thị M đều thống nhất thừa nhận vợ chồng có đến UBND xã Đ đăng ký kết hôn và đã được nhận giấy chứng nhận kết hôn, mặt khác ông Phạm Văn Đ1 - trưởng xóm T, xã Đ xác nhận thời gian năm 1992-1993 ông làm công an xã Đ đã trực tiếp chứng kiến việc ông T, bà M có đến UBND xã Đ đăng ký kết hôn và sau đó hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương. Mặc dù không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà M và ông T có đăng ký kết hôn hay không do mọi tài liệu liên quan đến việc đăng ký kết hôn của công dân tại xã Đ trước năm 2000 đã không còn được UBND xã lưu trữ, song căn cứ vào sự thống nhất thừa nhận giữa các đương sự thì việc các đương sự có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên hôn nhân giữa ông Vũ Văn T và bà Tống Thị M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống: Ông Vũ Văn T và bà Tống Thị M thường xuyên bất đồng quan điểm, tính cách không hợp và đã ly thân từ cuối năm 1993 đến nay không đoàn tụ lại chứng tỏ cả hai bên đã bỏ mặc nhau, không còn tha thiết đoàn tụ, ông Vũ Văn T xin ly hôn, bà Tống Thị M cũng nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà Tống Thị M của ông Vũ Văn T là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, tài sản chung của vợ chồng: Ông Vũ Văn T và bà Tống Thị M hiện không có con chung và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này ông T, bà M có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Ông Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T. Xử cho ly hôn giữa ông Vũ Văn T và bà Tống Thị M.

2. *Về án phí:* Ông Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0005297 ngày 17 tháng 3 năm 2025.

3. *Về quyền kháng cáo:* Ông Vũ Văn T và bà Tống Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hình

Nguyễn Văn Hà

Bùi Xuân Thọ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã Đồng Sơn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thọ

